

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/02/2022

V/v: Ly hôn giữa chị Ng với anh Kh

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Anh Dũng;

Ông Giáp Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2021/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2022 giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1991 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT: thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

* Bị đơn: Anh Lê Văn Kh, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn A, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn đề ngày 30/11/2021 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

Chị và anh Lê Văn Kh kết hôn ngày 19/3/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về làm dâu tại gia đình anh Kh ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Khi xảy ra mâu thuẫn thì hai bên gia đình có hòa giải, động viên nhưng không thành. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không

quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Lê Văn Kh.

Về con chung: Trong thời gian vợ chồng chung sống đã sinh được 01 con chung là Lê Đức D, sinh ngày 16/10/2010, hiện con chung đang được anh Kh và ông bà nội nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đề cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng con chung, về cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Ng có mặt và giữ nguyên yêu cầu trên.

Đối với anh Lê Văn Kh là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại các buổi hòa giải, làm việc của Tòa án, anh Kh đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thông báo cho anh Kh về các chứng cứ thu thập được trong vụ án thông qua bố mẹ anh Kh. Ông Lê Văn Đ là bố anh Kh trình bày: Sau khi ông nhận được các thông báo của Tòa án thì ông đã giao lại cho anh Kh, nhưng anh Kh hiện đi làm ăn ở xa, không về giải quyết vụ án được nên anh có ý kiến là nhất trí ly hôn với chị Ng, về con chung anh Kh nhận nuôi con Lê Đức D, sinh ngày 16/10/2010, anh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con, về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Kh vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn với anh Lê Văn Kh.

Về con chung: Giao cho anh Kh nuôi con chung là Lê Đức D, sinh ngày 16/10/2010. chị Ng không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Án phí sơ thẩm: chị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn Kh đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng kết hôn với anh Lê Văn Kh ngày 12/3/2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Trước khi kết hôn, hai bên đã được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Như vậy, việc kết hôn giữa chị Ng với anh Kh là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Ng về gia đình anh Kh làm dâu ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về làm ăn phát triển kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Ng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nên chị xin được ly hôn với anh Kh. Anh Kh cũng đồng ý ly hôn với chị Ng. Tại biên bản xác minh thì chính quyền địa phương và bố, mẹ của anh Kh đều xác định vợ chồng chị Ng, anh Kh có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho tới nay. Xét thấy, cuộc sống chung của chị Ng, anh Kh đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị Ng được ly hôn với anh Kh là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị Ng, anh Kh có 01 con chung là: Lê Đức D, sinh ngày 16/10/2010, hiện anh Kh đang nuôi con. Nay chị Ng đề nghị để anh Kh tiếp tục nuôi con và anh Kh cũng đồng ý nhận nuôi con. Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian vợ chồng chị Ng, anh Kh sống ly thân, thì anh Kh là người trực tiếp nuôi con, cháu phát triển tốt về mọi mặt. Mặt khác, cháu D đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung khi giải quyết ly hôn và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con khi giải quyết ly hôn, cần giao cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Kh không yêu cầu chị Ng cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp, ruộng canh tác: chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: chị Ng phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH147 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH147 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn với anh Lê Văn Kh.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn Kh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Đức D, sinh ngày 16/10/2010.

Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Ng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Ng đã nộp theo biên lai số 0011386 ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tư Duy